

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2025/DSST

Ngày: 16/06/2025.

V/v tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Duy Mạnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Văn Cười.

2. Bà Huỳnh Thị Tỏ

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Phạm Hùng Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:*** Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2025/TLST-DS ngày 22/10/2024 về tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2025/QĐXXST-DS ngày 22/04/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 117/2025/QĐST-DS ngày 22/05/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1978.

Địa chỉ thường trú: Khu phố Đ, Phường P, thành phố B, Đồng Nai (Trước đây là ấp Đ, xã P, thành phố B, Đồng Nai).

Địa chỉ liên hệ: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

+ Anh Nguyễn Bùi L, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, Tiền Giang.

+ Chị Trần Thị Hạ Đ, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, Tiền Giang.

(*Có mặt: chị L; vắng mặt anh L, chị Đ*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Phương L trình bày:***

Vào ngày 14/04/2023, chị L có cho anh Nguyễn Bùi L và chị Trần Thị Hạ Đ vay số tiền 50.000.000 đồng; mục đích vay là để kinh doanh rau, củ, quả tại chợ T; các bên không thỏa thuận lãi suất; chị L đã giao tiền cho anh L và chị Đ rồi; các bên có ký tên vào *Giấy tay về việc vay tiền ngày 14/04/2023* để làm căn cứ giải quyết khi có tranh chấp.

Do hiện nay, chị L gặp hoàn cảnh khó khăn nên chị đã nhiều lần yêu cầu anh L, chị Đ trả tiền nhưng anh L, chị Đ luôn lẩn tránh, không chịu trả tiền.

Nay chị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh Nguyễn Bùi L và chị Trần Thị Hạ Đ trả cho chị L 50.000.000 đồng; không yêu cầu tính lãi suất.

**** Bị đơn Nguyễn Bùi L, Trần Thị Hạ Đ vắng mặt dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Tòa án lập biên bản để làm cơ sở giải quyết vụ án về sau.***

**** Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát:***

- Về thời hiệu, thẩm quyền và tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án theo đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán đã xác định đúng và đầy đủ tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập tài liệu chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 97, Điều 208, Điều 209, Điều 210, Điều 211 BLTTDS và Nghị quyết 01/2017 ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Việc chấp hành của nguyên đơn, bị đơn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật

- Về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương L: Buộc anh Nguyễn Bùi L, chị Trần Thị Hạ Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L 50.000.000 đồng vốn gốc; về án phí: buộc anh Nguyễn Bùi L, chị Trần Thị Hạ Đ có nghĩa vụ liên đới trả chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Phương L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông buộc bị đơn Nguyễn Bùi L, Trần Thị Hạ Đ trả lại tiền từ việc vay tiền; do đó, quan hệ

tranh chấp trong trường hợp này là tranh chấp hợp đồng vay tài sản; ngoài ra, bị đơn Nguyễn Bùi L, Trần Thị Hạ Đ có nơi cư trú tại: ấp C, xã T, huyện G, Tiền Giang nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông thụ lý giải quyết là đúng quy định.

1.2/ Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Tại phiên tòa, anh Nguyễn Bùi L và chị Trần Thị Hạ Đ vắng mặt lần 02 dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không vì lý do chính đáng hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L và chị Đ.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số vốn gốc là 50.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

- Căn cứ vào bản gốc giấy vay về việc cho vay tiền ghi ngày 14/04/2023 thể hiện anh L và chị Đ đều ký tên vào giấy tay về việc vay tiền; từ đó, cho thấy, anh L và chị Đ đã cùng nhau xác lập quan hệ giao dịch dân sự với chị L.

- Căn cứ bản gốc biên bản hòa giải ngày 11/08/2024 tại trụ sở ấp C, xã T thể hiện tại buổi hòa giải, anh L thống nhất còn nợ chị L 50.000.000 đồng.

- Căn cứ vào lời khai của chị L thể hiện việc anh L và chị Đ oan vay chị L 50.000.000 đồng là để kinh doanh rau củ tại ấp C, xã T.

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014:

Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình

...

Do đó, có cơ sở buộc anh Nguyễn Bùi L và chị Trần Thị Hạ Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Phương L số tiền 50.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất: Do chị Nguyễn Thị Phương L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về phương thức thanh toán: Tại phiên tòa, chị L yêu cầu anh L, chị Đ trả tiền 01 lần nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: anh Nguyễn Bùi L và chị Trần Thị Hạ Đ có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử:

- *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Phương L về việc yêu cầu anh Nguyễn Bùi L và chị Trần Thị Hạ Đ có nghĩa vụ liên đới cho bà L số tiền 50.000.000 đồng.*

Anh Nguyễn Bùi L và chị Trần Thị Hạ Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Phương L số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L, chị Đ chậm thực hiện nghĩa vụ thi hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

- Anh Nguyễn Bùi L và chị Trần Thị Hạ Đ có nghĩa vụ liên đới chịu 2.500.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại chị Nguyễn Thị Phương L số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng (*Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*) mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 0013671 ngày 16/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

3/ Về quyền kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị Phương L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Anh Nguyễn Bùi L và chị Trần Thị Hạ Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Duy Mạnh